

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-4-2023
“V/v Ly hôn giữa chị T và anh G”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Bích T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: **Anh Trần Hậu G**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Bích T trình bày như sau:

Chị Nguyễn Bích T (gọi tắt là chị T) và anh Trần Hậu G (gọi tắt là anh G) chung sống với nhau vào năm 2007 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/9/2009 theo quy định.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G không lo làm kinh tế trong gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu về nhà đập phá đồ đạc trong nhà. Chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh G không thay đổi mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng cũng đã tìm cách hàn gắn nhưng hôn nhân không được cải thiện nên đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm. Nay chị T xin được ly hôn với anh Giang.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một con chung tên Trần Bích T, sinh ngày 03/10/2008. Từ khi vợ chồng ly thân con chung sống với anh G. Hiện nay chị T đi làm công nhân ở tỉnh L nên không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên chị T đồng ý giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Trần Hậu G vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bích T.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Trần Bích T, sinh ngày 03/10/2008 có nguyện vọng được sống với cha sau khi mẹ ly hôn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con chung (bản sao); giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản photo). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, chị Nguyễn Bích T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị áp dụng Điều 228 xét xử vắng mặt chị T, bị đơn anh Trần Hậu G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh G; về con chung giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu nên không xem xét;

về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Bích T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh Trần Hậu G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu ly hôn với anh G và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị T và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của chị T và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương thể hiện trong quá trình chung sống giữa chị T và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G không lo làm kinh tế trong gia đình mà tham gia nhiều tệ nạn xã hội đánh bài bạc và thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn nhưng hôn nhân không được cải và đã tự ly thân trong thời gian khoảng 03 năm vợ chồng không còn tới lui quan tâm tới cuộc sống của nhau, không còn cùng nhau chăm lo vun đắp cuộc sống hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh G không đến hòa giải đoàn tụ, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Đến nay chị T vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn với anh G. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ

chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Trần Bích T, sinh ngày 03/10/2008. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với anh G có cuộc sống ổn định phát triển bình thường, hiện tại chị T đang làm công nhân ở tỉnh Long An điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, hơn nữa cháu T có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Bích T, sinh ngày 03/10/2008 cho anh G nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Bích T và anh Trần Hậu G.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bích T, sinh ngày 03/10/2008 cho anh Trần Hậu Giang nuôi dưỡng sau khi chị Nguyễn Bích T và anh Trần Hậu G ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bích T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003692 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Bích T đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm